

Bản án số: 449/2024/DS-PT
Ngày 20 tháng 6 năm 2024
“V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất,
yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền
sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các thẩm phán: Ông Vương Minh Tâm

Ông Nguyễn Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Tú Anh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phương - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 20 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 187/2024/TLPT-DS ngày 14 tháng 3 năm 2024 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2023/DS-ST ngày 15/11/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1886/2024/QĐPT-DS ngày 05 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông **Đỗ H**, sinh năm 1966 – Có mặt;

1.2. Bà **Huỳnh Thị T**, sinh năm 1968 – Có mặt;

Cùng địa chỉ: Xóm 2, thôn Thanh Lương, xã Chí Công, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận;

2. Bị đơn: Ông **Lê Ngọc Đ**, sinh năm 1950 – Có mặt;

Địa chỉ: Xóm 9, xã Hòa Minh, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn T¹, sinh năm 1960; Địa chỉ: Xóm 15, thôn Hà Thủy 1, xã Chí Công, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận; (Văn bản ủy quyền ngày 11/7/2019) – Có mặt;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1958 – Có mặt;

Địa chỉ: Xóm 9, thôn Hội Tâm, xã Hòa Minh, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận;

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị D: Ông Nguyễn Văn T¹, sinh năm 1960 (cũng là đại diện hợp pháp của bị đơn - Văn bản ủy quyền ngày 07/4/2023) – Có mặt;

3.2. Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận;

Địa chỉ: Đường 17/4, thị trấn Liên Hương, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận;

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phong: Ông Bùi Đắc Đ¹, Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tuy Phong (Văn bản ủy quyền số 35/GUQ-UBND ngày 22/10/2021) – Vắng mặt;

3.3. Ủy ban nhân dân xã Hòa Minh, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận;

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã Hòa Minh: Ông Trần Ngọc M, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Hòa Minh (Văn bản ủy quyền số 40/GUQ-UBND ngày 27/10/2023) – Vắng mặt;

4. Người làm chứng:

4.1. Ông Nguyễn Văn T², sinh năm 1941 – Có mặt;

4.2. Ông Võ Đ², sinh năm 1947 – Vắng mặt;

4.3. Ông Nguyễn C, sinh năm 1952 – Vắng mặt;

4.4. Ông Mai Xuân C¹, sinh năm 1950 – Vắng mặt;

Cùng trú: Thôn Hội Tâm, xã Hòa Minh, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận;

4.5. Ông Võ Văn T³, sinh năm 1969 – Có mặt;

Địa chỉ: Xóm 07, xã Hòa Minh, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận;

4.6. Ông Nguyễn Hữu C², sinh năm 1959 – Có mặt;

4.7. Ông Nguyễn Thành C³, sinh năm 1968 – Có mặt;

Cùng trú: Xóm 09, xã Hòa Minh, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận;

4.8. Ông Nguyễn Văn T⁴, sinh năm 1944 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn Thanh Lương, xã Chí Công, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận;

5. *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Lê Ngọc Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22/4/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đỗ H và bà Huỳnh Thị T trình bày:

Thửa đất số 14, diện tích 401,2 m² đất trồng cây lâu năm, Tờ bản đồ số 34, thôn Hội Tâm, xã Hòa Minh, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận là của cụ Võ Thị L tặng cho nguyên đơn theo Di chúc ngày 10/6/1994, vợ chồng nguyên đơn sử dụng ổn định, kê khai đăng ký và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 803161 ngày 01/4/2016. Vào ngày 11/3/2019, vợ chồng nguyên đơn thuê đồ 80 xe đất để bồi đắp san nền thì ông Lê Ngọc Đ cản trở và dùng các trụ bê tông ngăn cản, không cho nguyên đơn sử dụng đất. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn nhổ các trụ bê tông để trả đất cho nguyên đơn và chấm dứt hành vi cản trở nguyên đơn sử dụng đất.

Tại Đơn phản tố ngày 22/8/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Ngọc Đ trình bày:

Thửa đất số 14 là giao thông chiến hào của ấp chiến lược. Sau giải phóng do bị đơn có xe bò nên đã xin đất gò của ông Nguyễn T⁴ dùng xe bò chở về bồi đắp trong nhiều năm mới được như ngày nay.

Cụ Võ Thị L được chế độ cũ cấp cho diện tích đất cách tim đường Quốc lộ 15 mét, dài 30 mét đến bực hào là hết và cụ L đã trồng hàng dừa làm ranh đất, hiện nay ranh đất vẫn còn. Năm 1993, cụ L đổ vật tư lên Thửa đất số 14 để xây nhà nhưng ông không đồng ý nên cụ L di chuyển vật tư đi chỗ khác để trả đất cho ông. Năm 1996, ông có yêu cầu địa chính xã đo đạc làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông nhưng chưa được cấp. Năm 2017, ông phát hiện nguyên đơn tiếp tục bồi đắp đất lên Thửa đất số 14 nên phát sinh tranh chấp, khi hòa giải tại địa phương thì ông mới biết nguyên đơn đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01/4/2016 trên cơ sở di chúc của cụ L và di chúc thể hiện diện tích đất tổng cộng 858 m². Việc Ủy ban nhân dân xã Hòa Minh xác nhận di chúc của cụ L là không đúng cả về hình thức lẫn nội dung nên việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đỗ H là không đúng.

Bị đơn yêu cầu hủy Di chúc của cụ L và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D trình bày: Thông nhất với ý kiến của chồng là ông Lê Ngọc Đ (bị đơn).

Tại Công văn số 257/UBND ngày 07/10/2021, Công văn số 588/UBND ngày 02/12/2021 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã Hòa Minh trình bày: Phần đất đang tranh chấp trước đây là bãi sinh, lầy của hệ thống áp chiến lược thời chiến do Nhà nước quản lý, sau năm 1975 cụ Võ Thị L cùng các con là ông Đỗ H và Lê Ngọc Đ (anh em cùng mẹ khác cha) khai hoang bồi đắp đến năm 1993 thì đo đạc bản đồ giải thửa 299/TTg, nhưng hộ cụ L không kê khai. Năm 1994, cụ L lập di chúc cho ông Đỗ H. Năm 2009 địa phương triển khai thực hiện đo đạc bản đồ địa chính theo dự án tổng thể 920 của Tỉnh thì ông Đỗ H kê khai chỉ dẫn đo đạc Thửa đất số 14, còn ông Lê Ngọc Đ kê khai chỉ dẫn đo đạc Thửa đất số 13, ông Đ không có kê khai đăng ký thửa đất số 14. Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phong đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hoàng vào năm 2016 và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ vào năm 2017. Từ trước đến nay, ông Đ không có tranh chấp đất với cụ Võ Thị L và tại thời điểm cụ L lập di chúc thì ông H đã quản lý sử dụng diện tích 401,2 m². Về nguồn gốc kê khai giữa Thửa đất 00, diện tích 294 m² (đất ở) và Thửa đất số 14, diện tích 401,2 m² (đất nông nghiệp) đều nằm trong diện tích 858 m² (là di sản thừa kế) mà cụ L đã lập di chúc để lại cho ông H. Thời điểm kê khai khác nhau là do việc đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở hai thời điểm khác nhau, đất ở đăng ký năm 2009 còn đất nông nghiệp đăng ký năm 2013. Ủy ban nhân dân xã Hòa Minh không đồng ý với ý kiến của ông Lê Ngọc Đ (bị đơn).

Tại Công văn số 751/UBND-NC ngày 16/3/2021 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phong trình bày: Việc Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phong cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 803161 ngày 01/4/2016 cho vợ chồng ông Đỗ H, bà Huỳnh Thị T được thực hiện đúng trình tự thủ tục quy định. Hiện nay diện tích đất này không có chủ sử dụng nào khác được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phong không đồng ý với ý kiến của ông Lê Ngọc Đ (bị đơn).

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2023/DS-ST ngày 15/11/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận đã quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 9 Điều 26, Điều 34, khoản 2 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 163, khoản 2 Điều 164, điểm c khoản 1 Điều 165, Điều 169 Bộ luật dân sự 2015; Khoản 10 Điều 12, khoản 3 Điều 17, điểm c khoản 1 Điều 100, Điều 203 Luật đất đai; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ H và bà Huỳnh Thị T.

1.1. Buộc bị đơn Lê Ngọc Đ và bà Nguyễn Thị D phải tháo dỡ toàn bộ trụ bê tông để giao trả lại cho vợ chồng ông Đỗ H và bà Huỳnh Thị T 401,2 m² đất tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 803161 ngày 01/4/2016 do Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phong cấp tọa lạc tại thôn Hội Tâm, xã Hòa Minh, huyện Tuy Phong.

1.2. Buộc vợ chồng ông Lê Ngọc Đ chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất đối với diện tích 401,2 m² đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 803161 ngày 01/4/2016 của vợ chồng ông Đỗ H và bà Huỳnh Thị T.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Lê Ngọc Đ về việc yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 803161 ngày 01/4/2016 do Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phong cấp cho ông Đỗ H và bà Huỳnh Thị T.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/11/2023, bị đơn ông Lê Ngọc Đ có đơn kháng cáo không đồng ý Bản án sơ thẩm, yêu cầu hủy di chúc của cụ L, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H, bà T và công nhận cho bị đơn được quyền sử dụng diện tích đất 401,2 m².

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Bị đơn ông Lê Ngọc Đ và ông Nguyễn Văn T¹ giữ nguyên kháng cáo yêu cầu bác khởi kiện của nguyên đơn. Đất của cụ L do chế độ cũ cấp chỉ tới hàng dừa nay vẫn còn. Nguồn gốc phần diện tích đất tranh chấp là do ông Đ khai hoang, xin đất đổ lên hào chiến lược trong nhiều năm mới có được như ngày nay và ông Đ trực tiếp sử dụng đất, cho đến khi trồng trụ đá, phát sinh tranh chấp thì ông Đ mới biết ông H đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất này. Cụ L chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên theo quy định của Pháp lệnh thừa kế năm 1990 và Nghị quyết số 02 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì cụ L chưa có quyền lập di chúc đối với diện tích đất này. Theo quy định thì Phòng Tư pháp cấp huyện mới có thẩm quyền chứng thực di chúc, nên Ủy ban nhân dân xã chứng thực di chúc của cụ L là không đúng thẩm quyền, trong di chúc có thể hiện tên Đỗ Thị T⁵ nhưng không ai biết Đỗ Thị T⁵ là ai. Do đó, việc Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phong cấp Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H trên cơ sở di chúc của cụ L là không đúng quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị D thống nhất ý kiến của ông Lê Ngọc Đ;

Nguyên đơn ông Đỗ H không đồng ý kháng cáo của ông Lê Ngọc Đ, vì đất này là do ông được cụ L cho và ông đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

Bà Huỳnh Thị T thống nhất ý kiến của ông Đỗ H và trình bày ông Đỗ H và ông Lê Ngọc Đ là anh em cùng mẹ khác cha, cùng sinh sống chung một nhà với mẹ là cụ L nên cụ L đã chia đất cho hai anh em.

Ông Nguyễn Văn T² trình bày vị trí đất tranh chấp trước đây là hào chiến lược, mạnh ai nấy khai hoang. Ông thấy ông Đ chớ đất lấp hào nhiều năm mới có được như ngày nay.

Ông Võ Văn T³ và ông Nguyễn Thành C³ đều trình bày hai ông là người làm thuê cho ông Đ, được ông Đ thuê chớ đất lấp hào chiến lược tại vị trí đất tranh chấp.

Ông Nguyễn Hữu C² trình bày nhà ông cách nhà ông Đ 03 căn nhà, ông thấy ông Đ xin đất rồi chớ đến lấp hào chiến lược ngay vị trí đất tranh chấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Đơn kháng cáo hợp lệ về hình thức; Về nội dung đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo ngày 26/11/2023 của ông Lê Ngọc Đ đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 16/01/2020 và Mạnh chính lý thừa đất do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Tuy Phong lập ngày 11/02/2020 thể hiện: Phần đất nguyên đơn và bị đơn tranh chấp có diện tích 401,2 m², đất trồng cây lâu năm, thuộc Thửa đất số 14, Tờ bản đồ số 34, thôn Hội Tâm, xã Hòa Minh, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận do ông Đỗ H và bà Huỳnh Thị T được Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phong cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 803161, số vào sổ cấp GCN CH-00866 ngày 01/4/2016.

[3] Nguyên đơn ông Đỗ H trình bày nguồn gốc đất là do được cụ Võ Thị L tặng cho và lập di chúc ngày 10/6/1994. Gia đình ông sử dụng đất và kê khai đăng ký, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 803161, số vào sổ cấp GCN CH-00866 ngày 01/4/2016. Lời trình bày của ông Đỗ H phù hợp với ý kiến của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quản lý về đất đai tại địa phương (Ủy ban nhân dân xã Hòa Minh và Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phong).

[4] Bị đơn ông Lê Ngọc Đ trình bày diện tích đất tranh chấp là do ông khai phá, đổ đất lấp hào áp chiến lược, bồi đắp trong nhiều năm nên mới được như ngày nay. Vào năm 1996 ông có kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cho đến khi hòa giải tại địa phương thì ông mới biết ông Đỗ H đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông Đ cho rằng ông có kê khai diện tích đất hiện nay có tranh chấp, nhưng Ủy ban nhân dân xã Hòa Minh xác định vào năm 2009 ông Đ chỉ dẫn đo đạc và kê khai Thửa đất số 13 mà không chỉ dẫn, kê khai đăng ký phần đất hiện nay có tranh chấp (Thửa đất số 14), trong khi diện tích đất này giáp ranh Thửa đất số 13. Đồng thời lời trình bày của ông Đ về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất đều không phù hợp với ý kiến của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quản lý về đất đai tại địa phương (Ủy ban nhân dân xã Hòa Minh và Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phong) và cũng không được ông Đỗ H thừa nhận.

[5] Từ các phân tích trên, Bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ H và không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Lê Ngọc Đ là có căn cứ. Ông Lê Ngọc Đ không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của ông là có căn cứ và hợp pháp, nên không có căn cứ để chấp nhận, giữ nguyên Bản án sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[6] Ông Lê Ngọc Đ là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm;

Bản án sơ thẩm có nhận định về chi phí thẩm định tại chỗ nguyên đơn đã nộp xong và không có yêu cầu hoàn lại, nhưng lại không ghi vào quyết định của Bản án sơ thẩm là thiếu sót, nhưng do không có kháng cáo, kháng nghị phần này nên không có cơ sở để xem xét lại.

[7] Quyết định của Bản án sơ thẩm về án phí dân sự sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm, ông Lê Ngọc Đ không có yêu cầu giải quyết về công sức bồi đắp trên diện tích đất tranh chấp. Vì vậy, ông Lê

Ngọc Đ có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác để yêu cầu bồi hoàn công sức bồi đắp trên diện tích đất tranh chấp khi có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 12 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Ngọc Đ; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2023/DS-ST ngày 15/11/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận;

2.1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ H và bà Huỳnh Thị T

2.1.1. Buộc ông Lê Ngọc Đ và bà Nguyễn Thị D phải tháo dỡ toàn bộ trụ bê tông để giao trả lại cho vợ chồng ông Đỗ H và bà Huỳnh Thị T diện tích 401,2 m², đất trồng cây lâu năm, thuộc Thửa đất số 14, Tờ bản đồ số 34, thôn Hội Tâm, xã Hòa Minh, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận do ông Đỗ H và bà Huỳnh Thị T được Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phong cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 803161, sổ vào sổ cấp GCN CH-00866 ngày 01/4/2016.

2.1.2. Buộc ông Lê Ngọc Đ và bà Nguyễn Thị D chấm dứt hành vi cản trở ông Đỗ H và bà Huỳnh Thị T thực hiện quyền của chủ sử dụng đất đối với diện tích 401,2 m², đất trồng cây lâu năm, thuộc Thửa đất số 14, Tờ bản đồ số 34, thôn Hội Tâm, xã Hòa Minh, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận do ông Đỗ H và bà Huỳnh Thị T được Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phong cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 803161, sổ vào sổ cấp GCN CH-00866 ngày 01/4/2016.

2.2. Không chấp nhận phản tố của ông Lê Ngọc Đ về việc yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 803161, sổ vào sổ cấp GCN CH-00866 ngày 01/4/2016 do Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phong cấp cho ông Đỗ H và bà Huỳnh Thị T đối với Thửa đất số 14, diện tích 401,2 m², đất trồng cây lâu năm, Tờ bản đồ số 34, thôn Hội Tâm, xã Hòa Minh, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

2.3. Hình thể, diện tích, kích thước, giáp giới Thửa đất số 14, diện tích 401,2 m² nêu trên được xác định theo Mạnh chính lý thửa đất do Chi nhánh Văn

phòng Đăng ký đất đai huyện Tuy Phong lập ngày 11/02/2020 (*Bút lục số 19, đính kèm theo Bản án này*);

3. Ông Lê Ngọc Đ được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về chi phí tố tụng; về án phí dân sự sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Cục THADS tỉnh Bình Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP, NTA (19b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Công